

Bản án số: 415/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 24-7-2023

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Ngọc Diệp

2. Ông Phan Ngọc Lợi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 24 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 402/2023/TLST - HNGĐ, ngày 15 tháng 6 năm 2023 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 217/2023/QĐXX-ST, ngày 06 tháng 7 năm 2023; giữa:

-Nguyên đơn: Chị Trần Thị D, sinh năm:1970 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp NTT, xã BTĐ, huyện GR, tỉnh KG

- Bị đơn: Anh Bành Nh, sinh năm: 1974 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp NTT, xã BTĐ, huyện GR, tỉnh KG

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn chị Trần Thị D trình bày: chị và anh Bành Nh tự tìm hiểu quen biết trước và được gia đình cha mẹ hai bên đồng ý nên chị và anh Nh đã về chung sống vợ chồng với nhau từ năm 1989 nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống giữa chị và anh Nh phát sinh nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng ngày rạn nứt, không có hạnh phúc. Vì vậy chị yêu cầu ly hôn anh Nh. Về con chung, chị và anh Nh có 02 người con chung tên: Bành Ngọc H, sinh ngày 16/6/1990; Bành Ngọc C, sinh ngày 05/01/2000. Chị D xác định các con đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai, bị đơn anh Bành Nh trình bày: Anh xác định trình bày của chị D về hôn nhân, con chung là đúng. Anh đồng ý ly hôn, đồng ý các con đã trưởng thành. Về tài sản và nợ chung anh và chị D tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: chị Trần Thị D khởi kiện yêu cầu ly hôn, với anh Bành Nh nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và anh Bành Nh với tư cách là bị đơn trong vụ kiện có nơi cư trú tại huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Nguyên đơn chị Trần Thị D và bị đơn anh Bành Nh có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng tiến hành xét xử vắng mặt chị D và anh Nh là có căn cứ.

[2] Về nội dung vụ kiện:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị D và anh Bành Nh chung sống vợ chồng với nhau từ năm 1989 nhưng không có đăng ký kết hôn. Theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì hôn nhân của anh chị không được xem là hợp pháp. Vì vậy căn cứ Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên bố không công nhận chị Trần Thị D và anh Bành Nh là vợ chồng.

[2.2] Về con chung, chị D và anh Bành Nh cùng xác định vợ chồng có hai con chung tên Bành Ngọc H, sinh ngày 16/6/1990; Bành Ngọc C, sinh ngày 05/01/2000. Hiện các con đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: chị D và anh Nh xác định tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[3]Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí; Án phí ly hôn sơ thẩm chị D phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị D đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008238 ngày 15/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Chị D đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm nên không phải nộp thêm.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Căn cứ vào Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Xử:

1. Không công nhận chị Trần Thị D và anh Bành Nh là vợ chồng

3. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) buộc chị Trần Thị D phải nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị D đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008238 ngày 15/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Chị D đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm nên không phải nộp thêm.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày được tính kể từ ngày các đương sự nhận được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Cơ quan Thi hành án huyện;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã;
- Lưu.

Nguyễn Thị Cẩm Hương